

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VY  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS - ST  
Ngày: 18 - 10 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VY , TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lại

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VY , tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VY , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Ong Văn Chúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VY xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-DS ngày 8/10/2021, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Chị Dương Thị Th1 – Sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn HM 2, thị trấn N , huyện VY , tỉnh Bắc Giang.

***-Bị đơn:*** Anh Lương Văn Th2 – Sinh năm 1974 (Vắng mặt)

HKTT: Xóm B , thôn HL 3, xã HT , huyện VY , tỉnh Bắc Giang.

***-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị H2 – Sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B , thôn HL 3, xã HT , huyện VY , tỉnh Bắc Giang

2. Anh Trần Văn T3 – Sinh năm 1975 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HM 2, thị trấn N , huyện VY , tỉnh Bắc Giang

***-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Dương Thị Th1 – Luật sư Nguyễn Văn N – Văn phòng luật sư Nguyễn N – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Dương Thị Th1 trình bày:*

Chị và anh Th2 có mối quan hệ quen biết nhau do anh Th2 lấy chị gái của chồng chị. Ngày 10/5/2020, vợ chồng anh Th2 chị H2 có đến nhà chị và hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi cho vay, anh Th2 có viết giấy “anh Th2 lấy của Thúy ngày 10/5/2020 100 triệu đồng”, giấy là do anh Th2 viết. Trong giấy không ghi về thời hạn trả và lãi suất nhưng thực tế có thỏa thuận miệng lúc nào cần tiền thì anh Th2 phải trả và trả thêm một ít gọi là có lãi chứ không thỏa thuận lãi bao nhiêu. Sau ngày vay 10/5/2020, anh Th2 còn vay 02 ngày nữa là ngày 17/5/2020 số tiền 30 triệu đồng và 27/5/2020 số tiền 50 triệu đồng nhưng anh Th2 đã trả 02 mã này. Chỉ còn số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 10/5/2020 là anh Th2 chưa trả và không có trách nhiệm trả. Khi vay, cả chị Trần Thị H2 là vợ anh Th2 cùng hỏi vay nhưng viết giấy vay thì chỉ một mình anh Th2 viết. Vợ chồng chị đã nhiều lần xuống nhà anh Th2 chị H2 để đòi tiền nhưng anh Th2 chị H2 không trả. Nay chị yêu cầu anh Th2 chị H2 có trách nhiệm trả vợ chồng chị số tiền gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật từ khi vay 10/5/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn anh Lương Văn Th2 tại biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ trình bày:*

Anh và chị Th1 có mối quan hệ quen biết nhau do vợ anh là chị ruột chồng chị Thúy. Anh có vay chị Th1 số tiền 180.000.000 đồng thành 03 đợt. Đợt 1, ngày 10/5/2020 vay 100.000.000 đồng; đợt 2 ngày 17/5/2020 vay 30.000.000 đồng và đợt 3 ngày 27/5/2020 vay 50.000.000 đồng. Mục đích vay chi tiêu sinh hoạt gia đình. Anh xác định chị Th1 chủ động cho anh vay chứ anh không tự hỏi vay chị Thúy. Khi vay thì không thỏa thuận về lãi suất hay thời hạn trả nợ. Số tiền vay chị Th1 anh đã trả hết cho chị Th1 nhưng không nhớ thời gian trả, không có tài liệu chứng cứ về việc đã trả chị Th1 vì viết trong sổ của chị Th1 và chị Th1 không gạch sổ ngày vay. Anh xác định giấy vay tiền là chữ viết của anh tuy nhiên bố cục và mẫu giấy vay tiền là không đúng vì giấy vay tiền phải có đầy đủ chữ ký của người vay. Việc anh vay tiền chị Th1 thì chị H2 vợ anh có biết và nắm được. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Th1 nên anh không lên Tòa án làm việc, không đối chất và không yêu cầu giám định chữ viết. Anh xác định đã trả hết nợ cho chị Thúy.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Văn T3 trình bày: Khoảng tháng 5/2020, anh Lương Văn Thực, sinh năm 1974 ở thôn HL 3, xã HT (là anh rể anh) có đến nhà anh hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi đến hỏi vay tiền có cả vợ anh Th2 (chị Trần Thị H2 là chị gái anh) cùng đến và hỏi vay nhưng chỉ có anh Th2 viết giấy vay tiền. Mục đích vay để làm gì anh không rõ nhưng cả hai vợ chồng anh Th2 cùng đến. Khi vay thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất, về thời gian trả nợ trong giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng anh cần thì báo trước một tuần. Anh xác định số

tiền 100.000.000 đồng vợ chồng anh Th2 vay là tiền của vợ chồng anh. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh Th2 chị H2 có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

*-Chị Trần Thị H2 tại biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ trình bày:*

Chị và chị Th1 có mối quan hệ chị chồng – em dâu. Việc chồng chị anh Lương Văn Th2 có vay chị Th1 số tiền 180.000.000 đồng chị có biết. Mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên thời điểm vay cũng như các đợt vay số tiền cụ thể bao nhiêu chị không nhớ. Chị xác định tổng số tiền anh Th2 vay của chị Th1 là 180.000.000 đồng. Khi vay, hai bên không thỏa thuận với nhau về lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ vì là anh em trong nhà. Chị xác định chữ viết trong giấy ghi nợ mà chị Th1 giao nộp cho Tòa án là chữ viết của anh Thực. Tuy nhiên, vợ chồng chị đã trả hết số tiền nợ cho chị Th1 là 180.000.000 đồng. Khi trả nợ, vợ chồng chị không để ý việc chị Th1 đã gạch hay chưa gạch sổ vì chị em tin tưởng nhau và chị cũng không lấy lại giấy vay nợ hay yêu cầu chị Th1 viết xác nhận về việc vợ chồng chị đã trả hết nợ cho chị Th1. Do vậy, đến nay chị không có tài liệu nào thể hiện việc đã thanh toán hết nợ cho chị Th1 để cung cấp cho Tòa án. Chị xác định chị không nợ vợ chồng chị Th1 tiền nên chị không đến Tòa án để làm việc. Ngoài ra, chị thay đổi lời khai về việc chữ viết trong giấy vay tiền mà chị Th1 cung cấp không biết có phải là chữ viết của anh Th2 không. Tuy nhiên, chị không có yêu cầu gì về giám định.

Tại phiên tòa, chị Dương Thị Th1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Th1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể chị yêu cầu anh Th2 chị H2 phải thanh toán trả vợ chồng chị số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay ngày 10/5/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Anh T3 nhất trí với ý kiến trình bày của chị Thúy.

Anh Th2 và chị H2 vắng mặt được công bố lời khai. Chị Th1 không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T3 có mặt là chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị H2) vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thúy

+ Buộc anh Lương Văn Th2 và chị Trần Thị H2 có trách nhiệm thanh toán trả chị Dương Thị Th1 và anh Trần Văn T3 số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi 10%/01 năm kể từ ngày 10/5/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Án phí: Anh Lương Văn Th2 và chị Trần Thị H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Dương Thị Th1 không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả chị Th1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ chị Dương Thị Th1 đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình pháp bị xâm phạm. Chị Dương Thị Th1 cho vợ chồng anh Lương Văn Th2 vay tiền ngày 10/5/2020 và không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Ngày 28/12/2020, Tòa án nhân dân huyện VY thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị Thúy. Như vậy, thời hiệu khởi kiện là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Th1 khởi kiện yêu cầu anh Th2 chị H2 phải thanh toán trả vợ chồng chị số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn anh Lương Văn Th2 có hộ khẩu thường trú tại thôn HL 3, xã HT, huyện VY nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VY.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Lương Văn Th2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H2. Tuy nhiên anh Th2 chị H2 vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh Thực, chị H2 là có căn cứ.

[4] Về pháp luật áp dụng và nội dung tranh chấp:

[4.1] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn chị Dương Thị Th1 yêu cầu anh Lương Văn Th2 và chị Trần Thị H2 thanh toán trả chị số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật theo giấy vay tiền ngày 10/5/2020. Do

thời điểm xác lập hợp đồng năm 2020, vì vậy luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án này là Bộ luật dân sự 2015.

[4.2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn chị Dương Thị Th1 xác định ngày 10/5/2020 dương lịch, chị có cho vợ chồng anh Th2 chị H2 vay số tiền 100.000.000 đồng, anh Th2 có viết giấy biên nhận, không hẹn thời hạn trả nợ, không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi suất nhưng không thỏa thuận cụ thể. Anh Th2 chị H2 xác định anh chị có vay chị Th1 tổng số tiền 3 lần là 180.000.000 đồng và anh chị đã thanh toán trả chị Th1 đủ số tiền 180.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh chị không có tài liệu thể hiện về việc đã thanh toán trả chị Th1 số tiền trên để cung cấp cho Tòa án. Tại giấy biên nhận gốc chị Th1 cung cấp thể hiện “anh Th2 lấy của Thúy ngày 10-5-2020 100 triệu đồng; ngày 17-5-2020, anh Th2 lấy của Thúy 30 triệu; anh Th2 vay Thúy ngày 27-5-2020 50 triệu”. Trong tài liệu này, tại mục “ngày 17-5-2020, anh Th2 lấy của Thúy 30 triệu; anh Th2 vay Thúy ngày 27-5-2020 50 triệu” là đã được gạch còn mục “anh Th2 lấy của Thúy ngày 10-5-2020 100 triệu đồng” là vẫn giữ nguyên. Bản thân anh Th2 ban đầu không thừa nhận chữ viết trong giấy vay là do anh Th2 viết nhưng sau đó anh xác định là chữ viết của anh nhưng không đúng với mẫu giấy vay tiền còn chị H2 ban đầu thừa nhận là chữ viết của anh Th2 nhưng sau đó chị xác định không rõ có phải chữ viết của anh Th2 hay không. Tuy nhiên, cả anh Th2 chị H2 đều không yêu cầu giám định chữ viết trong tài liệu chị Th1 cung cấp. Việc anh Th2 chị H2 xác định đã trả chị Th1 số tiền 180.000.000 đồng (trong đó có số tiền 100.000.000 đồng chị Th1 khởi kiện) là không phù hợp với tài liệu chị Th1 cung cấp. Do đó, không có cơ sở để xác định anh Th2 chị H2 đã thanh toán cho chị Th1 cả số tiền 180.000.000 đồng mà chỉ có căn cứ xác định anh Th2 chị H2 đã thanh toán cho chị Th1 số tiền 80.000.000 đồng và còn nợ lại chị Th1 số tiền 100.000.000 đồng như chị Th1 anh T3 trình bày. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Th1 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán: Chị Th1 yêu cầu anh Th2 và chị H2 thanh toán trả vợ chồng chị số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân anh Th2 và chị H2 đều thừa nhận mục đích vay tiền về để sinh hoạt chi tiêu trong gia đình. Còn số tiền chị Th1 cho anh Th2 chị H2 vay là tài sản chung của hai vợ chồng chị. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Thúy, buộc anh Th2 chị H2 có trách nhiệm thanh toán trả chị Th1 anh T3 số tiền vay là phù hợp.

[6] Về tiền lãi: Chị Thúy, anh T3 yêu cầu anh Thực, chị H2 thanh toán trả vợ chồng anh chị số tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay đến khi xét xử sơ thẩm. Anh Thực, chị H2 xác nhận không thỏa thuận về thời hạn trả nợ, lãi suất và xác định đã thanh toán xong khoản nợ. Trong giấy biên nhận vay tiền không thể hiện các bên thỏa thuận về lãi suất do đó cần xác định trong trường hợp này các bên có tranh chấp về lãi suất. Theo quy định, khi các bên có tranh chấp về lãi suất

thì áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 để giải quyết. Do đó, mức lãi suất áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 là 10%/01 năm, 0,83%/01 tháng, 0,027%/ngày. Vì vậy, về số tiền lãi anh Th2 chị H2 phải thanh toán trả chị Th1 anh T3 được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 10/5/2020 đến ngày 10/10/2021 là 17 tháng x 0,83%/01 tháng x 100.000.000 đồng = 14.110.000 đồng.

Từ ngày 11/10/2021 đến ngày 18/10/2021 là 8 ngày x 0,027%/01 ngày x 100.000.000 đồng = 216.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền lãi anh Th2 chị H2 phải thanh toán trả chị Th1 anh T3 là 14.326.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi Thực chị H2 phải thanh toán trả chị Th1 anh T3 là 114.326.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Th1 không phải chịu án phí, hoàn trả chị Th1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Th2 chị H2 phải chịu án phí DSST theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357; Điều 464; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thúy.

+ Buộc anh Lương Văn Th2 và chị Trần Thị H2 có trách nhiệm thanh toán trả chị Dương Thị Th1 và anh Trần Văn T3 số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 14.326.000 đồng. Tổng số tiền anh Th2 chị H2 phải thanh toán trả chị Dương Thị Th1 và anh Trần Văn T3 là 114.326.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

+Án phí: Anh Lương Văn Th2 và chị Trần Thị H2 phải liên đới chịu 5.716.000 đồng tiền án phí DSST (cụ thể anh Thực, chị H2 mỗi người phải chịu 2.858.000 đồng án phí DSST).

Hoàn trả chị Dương Thị Th1 số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0001494 ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. VY ;
- Chi cục THADS H. VY ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Thanh Quyên**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Lương Thanh Văn      Thân Văn Nhân      Lương Thị Thanh  
Quyên**

***Nơi nhận:***

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. VY ;
- Chi cục THADS H. VY ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Lương Thị Thanh Quyên**



